

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 12 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1984; Cư trú tại: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Cư trú tại: Ấp TH, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh N chung sống với chị T năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Anh và chị T đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng và không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Con chung tên Lê Lý Tường, sinh ngày 26/01/2008. Hiện tại cháu Tường do anh N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với chị Nguyễn Thị T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T biết về yêu cầu khởi kiện của anh N nhưng chị T không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, anh N xác định do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, vợ chồng ly thân nhau thời gian dài từ năm 2013 nhưng vẫn không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh N nên đủ căn cứ xác định rằng chị không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh N.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lê Lý Tường, xét yêu cầu nuôi con của anh N thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Tuy nhiên, từ khi anh chị ly thân, con chung đều do anh N nuôi dưỡng, anh vẫn đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần cho con. Đồng thời tại biên bản ngày 30/11/2021 thể hiện nguyện vọng của cháu Tường mong muốn được tiếp tục sống cùng cha là Lê Văn N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Lê Lý T cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp. Trường hợp các đương sự có phát sinh tranh chấp tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về các vấn đề khác: Anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn N.

1.1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

1.2. Về con chung: Giao Lê Lý Tường, sinh ngày 26/01/2008 cho anh Lê Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011645 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

